TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/8/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hà
2. Ông Mai Văn Đảm

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 28/6/2023 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 39/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 18/7/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị H; Sinh năm: 1986
HKTT: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ hiện nay: Thôn M, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn H; Sinh năm: 1985
HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2023 và bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, chị Dương Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh ngày 22/11/2007. Sau khi kết hôn chỉ hòa thuận đến năm 2012 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Thêm vào đó, anh H thường xuyên rượu chè, gái gú và đánh đập chị, chị đã nhiều lần tha thứ nhưng anh H không thay đổi tính nết. Không chịu đựng được cuộc sống như vậy, chị đã đưa con về nhà ngoại từ năm 2021 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm

gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Anh T, sinh ngày 30/6/2009 và Bùi Minh Q, sinh ngày 04/5/2011. Từ khi vợ chồng sống ly thân các cháu vẫn ở với chị. Ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Bùi Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Dương Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh ngày 22/11/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận bình thường. Tuy nhiên, khi mới kết hôn kinh tế gia đình còn nhiều khó khăn nên cũng có sảy ra cãi cọ và đôi lúc nóng giận anh có tát chị H một, hai cái. Nhưng đây là những mâu thuẫn nhỏ mà gia đình nào cũng gặp phải, chưa đến mức trầm trọng để phải ly hôn. Đến tháng 5 năm 2021, khi anh đang đi làm xa thì chị H đã tự ý bỏ nhà ra đi, đưa cả 02 con cùng đi mà anh và gia đình không được biết. Sau đó, anh đã cố gắng tìm cách liên lạc và tìm gặp để động viên chị H quay về để vợ chồng được đoàn tụ nhưng chị H vẫn tránh mặt không chịu gặp anh. Nay chị H làm đơn xin ly hôn với anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn. Mặt khác, anh không muốn con cái phải thiếu thốn tình cảm của bố mẹ nên tôi mong muốn vợ chồng được đoàn tụ. Anh không đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Anh T, sinh ngày 30/6/2009 và Bùi Minh Q, sinh ngày 04/05/2011. Nếu chị H nhất quyết ly hôn với anh, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Minh Q và giao cháu Bùi Anh T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị H được ly hôn anh Bùi Văn H; Về con chung: Giao cháu Bùi Anh T, sinh ngày 30/6/2009 và cháu Bùi Minh Q, sinh ngày 04/05/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định

nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh H không có mặt nên tòa án đã mở phiên họp vắng mặt anh H và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh H theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Nguyên đơn là chị Dương Thị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa, chị H và anh H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt chị H và anh H.

[5]. Về hôn nhân: Chị Dương Thị H và anh Bùi Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh ngày 22/11/2007 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận được 05 năm thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống, không tin tưởng nhau trong chuyện tình cảm nên thường xuyên sảy ra cãi cọ và đã có lần dẫn đến đánh đập. Hiện tại, chị H và anh H đã sống ly thân hơn 02 năm nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Việc này, cả chị H và anh H đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Mặc dù anh H mong muốn được đoàn tụ nhưng chị H nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Dương Thị H được ly hôn anh Bùi Văn H.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Anh T, sinh ngày 30/6/2009 và Bùi Minh Q, sinh ngày 04/05/2011. Xét thấy, yêu cầu của chị H và anh H đều chính đáng. Tuy nhiên, cả 02 cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ, từ khi anh H và chị H sống ly thân, các cháu vẫn ở với chị H, việc này cả anh H cũng thừa nhận. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của con nhỏ trong việc ổn định học tập và nơi ăn chốn ở, cũng như sự phát triển bình thường của các cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cả 02 con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H.

[7]. Về tài sản: Chị H và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị H được ly hôn anh Bùi Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Anh, sinh ngày 30/6/2009 và cháu Bùi Minh Q, sinh ngày 04/05/2011cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3**.** Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2021/0008037 ngày 25/4/2023. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Dương Thị H và anh Bùi Văn H. Chị H và anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc